



**MOORE AISC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 43

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 1. Thông tin chung về Công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400100506, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc thay đổi địa điểm đăng ký kinh doanh do thay đổi địa giới hành chính.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần đại chúng.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn hàng thủy sản, súc sản, nông sản;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, ngư nghiệp
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: đào tạo nghề ngắn hạn;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất hàng nông sản. Kinh doanh phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng. Dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các sản phẩm đông lạnh.

**Tên tiếng anh:** PROCIMEX VIETNAM JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** PROCIMEX.

**Mã chứng khoán:** PRO (UpCom).

**Trụ sở chính:** 60 Đà Sơn 2, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Lý Thu Quỳnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm lại ngày 28/06/2024)
Ông Phan Hồng Quân	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Ngô Lương Quỳnh Mai	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Nguyễn Tiến Đức	Người phụ trách Quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2024)

#### Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thục Nguyên	Trưởng ban (Bổ nhiệm lại ngày 28/06/2024)
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Lê Thiện Huy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2024)



# CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: (tiếp theo)

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám Đốc
Bà	Bùi Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:**

Ông	Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám Đốc
-----	---------------	---------------

### 4. Các thông tin khác

Do tổ chức lại hoạt động công ty, Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã gửi thông báo đến Sở Kế hoạch đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam. Thời gian tạm ngừng từ 16/05/2022 đến 15/05/2023. Ngày 16/05/2022, Sở kế hoạch Đầu tư đã cấp giấy xác nhận Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tạm ngưng hoạt động từ 16/05/2022 đến 15/05/2023. Ngày 29/12/2023, Sở kế hoạch Đầu tư đã tiếp tục cấp giấy xác nhận Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tạm ngưng hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 theo Giấy xác nhận số 71259/23. Hiện tại, Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tiếp tục tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025 theo Giấy xác nhận số 68828/24 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng.

### 5. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC tại Đà Nẵng (“Moore AISC”) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

---

**7. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

*Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025*

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Phạm Tuấn Anh**  
Tổng Giám Đốc

05  
T  
I  
M  
V  
A  
01  
57  
NH  
NH  
N  
H  
A  
S  
V  
G

Số: B1024055-HN/MOORE AISDN-DN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam** (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty con”), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)****Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam** tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**Chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học Moore AISC tại Đà Nẵng**



**Nguyễn Thị Hiệp**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1401-2023-005-1

**Võ Thị Xuân Quỳnh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4274-2023-005-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.418.389.382</b>	<b>23.521.423.194</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>929.200.612</b>	<b>14.812.226.563</b>
1. Tiền	111		929.200.612	3.312.226.563
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>17.800.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.800.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>282.064.705</b>	<b>7.897.210.564</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	364.267.228	5.559.637.328
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	347.420.000	2.738.889.451
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	978.982.477	1.006.384.785
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.408.605.000)	(1.407.701.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>1.973.766.778</b>	<b>72.379.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.973.766.778	72.379.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>433.357.287</b>	<b>739.607.067</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		356.736.901	270.032.188
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	76.620.386	469.574.879
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.326.521.996</b>	<b>30.737.586.554</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.104.879.000	9.104.879.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(9.104.879.000)	(9.104.879.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.239.742.338</b>	<b>7.980.086.692</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7.239.742.338	7.980.086.692
- Nguyên giá	222		18.169.964.568	17.430.402.984
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.930.222.230)	(9.450.316.292)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		71.000.000	71.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.000.000)	(71.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.11	<b>1.824.099.810</b>	<b>736.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.824.099.810	736.000.000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>19.864.637.544</b>	<b>19.657.523.161</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.864.637.544	19.657.523.161
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.398.042.304</b>	<b>2.363.976.701</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.802.091.072	1.748.584.588
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	595.951.232	615.392.113
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>52.744.911.378</b>	<b>54.259.009.748</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.978.120.992</b>	<b>4.995.681.181</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.031.520.984</b>	<b>3.693.137.068</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	239.991.550	508.464.372
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	346.461.265	188.565.280
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.893.355.538	623.243.247
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		99.841.177	769.712.500
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	981.834.128	981.834.128
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	453.044.105	604.324.320
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	16.993.221	16.993.221
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.946.600.008</b>	<b>1.302.544.113</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	43.000.000	49.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	2.903.600.008	1.253.044.113
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>45.766.790.386</b>	<b>49.263.328.567</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>45.766.790.386</b>	<b>49.263.328.567</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.826.797.055	6.826.797.055
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.939.993.331	12.436.531.512
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.436.531.512	11.258.402.232
- LNST chưa phân phối năm này	421b		(3.496.538.181)	1.178.129.280
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>52.744.911.378</b>	<b>54.259.009.748</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU/ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Thị Thanh Thúy

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.456.926.801	23.298.967.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	30.456.926.801	23.298.967.660
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	28.654.457.810	18.629.922.724
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>1.802.468.991</b>	<b>4.669.044.936</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10.066.157	80.884.723
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	134.108.046	53.074.225
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>134.108.046</i>	<i>53.074.225</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		207.114.383	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	13.945.500	27.566.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4.922.539.129	3.108.600.912
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>(3.050.943.144)</b>	<b>1.560.688.522</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.950	46.006
13. Chi phí khác	32	VI.9	426.157.106	133.235.559
<b>14. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>(426.154.156)</b>	<b>(133.189.553)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>(3.477.097.300)</b>	<b>1.427.498.969</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	229.928.808
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	19.440.881	19.440.881
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>(3.496.538.181)</b>	<b>1.178.129.280</b>
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(3.496.538.181)	1.178.129.280
Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.13	<b>(1.166)</b>	<b>393</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	VI.14	<b>(1.166)</b>	<b>393</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU/ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Thị Thanh Thúy

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>(3.477.097.300)</b>	<b>1.427.498.969</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	1.479.905.938	1.041.154.608
- Các khoản dự phòng	03		-	13.048.608
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư công ty liên kết	05		(207.114.383)	
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.066.157)	(80.884.723)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	134.108.046	53.074.225
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(2.080.263.856)</b>	<b>2.453.891.687</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		8.075.246.323	3.356.852.723
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(1.901.387.778)	(72.379.000)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		455.678.518	(337.545.905)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(53.506.484)	(1.408.299.224)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(134.108.046)	(53.074.225)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.133.889)	(214.259.216)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.345.524.788</b>	<b>3.725.186.840</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH				
1. khác	21		(1.954.041.892)	(2.826.131.082)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH				
2. khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.215.473	80.884.723
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.727.826.419)</b>	<b>(2.745.246.359)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

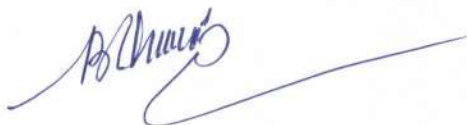
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.1	3.003.600.000	1.600.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.2	(1.504.324.320)	(204.324.324)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.499.275.680</b>	<b>1.395.675.676</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(13.883.025.951)</b>	<b>2.375.616.157</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>14.812.226.563</b>	<b>12.436.610.406</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>929.200.612</b>	<b>14.812.226.563</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU/ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Thị Thanh Thúy

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400100506, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc thay đổi địa điểm đăng ký kinh doanh do thay đổi địa giới hành chính.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần đại chúng nhỏ.

**Tên tiếng anh:** PROCIMEX VIETNAM JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** PROCIMEX.

**Mã chứng khoán:** PRO (UpCom).

**Trụ sở chính:** 60 Đà Sơn 2, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh thương mại, dịch vụ, chế biến.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn hàng thủy sản, súc sản, nông sản;
  - Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, ngư nghiệp
  - Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngư nghiệp;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng;
  - Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: đào tạo nghề ngắn hạn;
  - Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
  - Sản xuất hàng nông sản. Kinh doanh phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng. Dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các sản phẩm đông lạnh.
- Hoạt động chính trong năm là chế biến, bảo quản thủy sản và dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm gia súc, gia cầm.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:**

Không có

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:** 85 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 48 nhân viên)

**7. Cấu trúc doanh nghiệp****7.1. Tổng số các Công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 1 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)**7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thực phẩm Đà Nẵng	Cho thuê mặt mặt bằng chế biến các sản phẩm gia súc gia cầm.	100%	100%	100%

**7.3. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Kenai	Trồng trọt, chăn nuôi	48%	48%	48%

Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Kenai đã tạm dừng hoạt động từ ngày 09 tháng 10 năm 2022 đến ngày 08 tháng 10 năm 2023 theo giấy xác nhận 4871/22 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông. Đơn vị đã đi vào hoạt động trở lại từ tháng 01 năm 2024.

**7.4. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm chế biến gia súc gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam	60 Đà Sơn 2, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Trung tâm chế biến gia súc gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo giấy xác nhận 71259/23 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Đà Nẵng và tiếp tục ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo giấy xác nhận 68828/24 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Đà Nẵng.

**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

Báo cáo tài chính hợp nhất này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và các Công ty con để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Procimex và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

**Công ty con** là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

**Công ty liên kết** là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Các khoản nợ phải thu** được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**Dự phòng phải thu khó đòi** được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: doanh nghiệp ước tính cho phần giá trị bị tổn thất có bản chất là tổn thất khó có khả năng thu hồi, và trích lập dự phòng theo quy định hiện hành.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- **Hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: (tiếp theo)

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

### 6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

### 6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

100  
100  
005  
NHÂN  
TY TI  
TOÁN  
U TIN  
RE A  
DÀ N  
HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
Phần mềm kế toán	05 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 18 tháng.

**Chi phí sửa chữa:** Là phần chi phí sửa chữa lớn phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 18 đến 36 tháng.

**Chi phí khác:** Chi phí khác như lợp tôn, lát nền phát sinh từng lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 18 - 36 tháng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải trả người bán** phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- **Phải trả khác** phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng.

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi

**Tiền lãi** được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính****Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí đi vay vốn và các khoản chi phí khác

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành** là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại** là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty đã được thanh tra kiểm tra thuế đến năm 2021.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%

**16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**17. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Công cụ tài chính: (tiếp theo)**

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**18. Các bên liên quan**

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024		01/01/2024	
<b>Tiền</b>	<b>929.200.612</b>		<b>3.312.226.563</b>	
Tiền mặt	582.337.404		321.074.914	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	346.863.208		2.991.151.649	
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	346.863.208		2.991.151.649	
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>		<b>11.500.000.000</b>	
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng				
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Đà Nẵng	-		11.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>929.200.612</b>		<b>14.812.226.563</b>	
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 38-39)</b>				
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
<b>ngắn hạn</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Khách hàng trong nước	364.267.228	(89.535.228)	5.559.637.328	(90.891.228)
Công ty TNHH MTV Thương Mại Mỹ Lệ	-	-	5.068.706.500	-
Công ty CP chăn nuôi C.P. Việt Nam - CN Đà Nẵng	245.160.000	-	195.600.000	-
Khách hàng khác	119.107.228	(89.535.228)	295.330.828	(90.891.228)
<b>Cộng</b>	<b>364.267.228</b>	<b>(89.535.228)</b>	<b>5.559.637.328</b>	<b>(90.891.228)</b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
<b>ngắn hạn</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Nhà cung cấp trong nước	347.420.000	(347.420.000)	2.738.889.451	(347.420.000)
Công ty TNHH Cà phê Như Linh	-	-	1.990.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cảnh Phương Đăk Nông	-	-	400.000.000	-
Công ty CP chứng khoán Tràng An - Hà Nội	60.000.000	(60.000.000)	60.000.000	(60.000.000)
Công ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Gold Dragon (NCC0160)	260.100.000	(260.100.000)	260.100.000	(260.100.000)
Khách hàng khác	27.320.000	(27.320.000)	28.789.451	(27.320.000)
<b>Cộng</b>	<b>347.420.000</b>	<b>(347.420.000)</b>	<b>2.738.889.451</b>	<b>(347.420.000)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>978.982.477</b>	<b>(971.649.772)</b>	<b>1.006.384.785</b>	<b>(969.389.772)</b>
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	-	5.448.125	-
Tạm ứng	351.432.929	(351.432.929)	351.432.929	(351.432.929)
Phải thu khác	627.549.548	(620.216.843)	649.503.731	(617.956.843)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>9.104.879.000</b>	<b>(9.104.879.000)</b>	<b>9.104.879.000</b>	<b>(9.104.879.000)</b>
Phải thu khác	9.104.879.000	(9.104.879.000)	9.104.879.000	(9.104.879.000)
Bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Điềm (*)	9.104.879.000	(9.104.879.000)	9.104.879.000	(9.104.879.000)
<b>Cộng</b>	<b>10.083.861.477</b>	<b>(10.076.528.772)</b>	<b>10.111.263.785</b>	<b>(10.074.268.772)</b>

(\*) Theo bản án phúc thẩm của Tòa án Nhân dân Tp. Đà Nẵng thì Bà Bùi Thị Hòa (nguyên kế toán trưởng của Công ty CP Procimex Việt Nam và những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất tài sản của Ông Nguyễn Điềm (Nguyên Tổng Giám đốc Công ty CP Procimex Việt Nam đã qua đời) bao gồm bà Đoàn Thị Hoa, Ông Nguyễn Duy Tuấn, bà Nguyễn Thị Hoài Linh phải liên đới bồi thường cho Cty CP Procimex Việt Nam số tiền đã biến thủ là: 25.350.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thu hồi được 16.245.121.000 đồng và Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho khoản phải thu còn lại này.

**6. Nợ xấu - Dự phòng phải thu khó đòi (xem trang 40-41)**

7. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	1.973.766.778	-	72.379.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.973.766.778</b>	<b>-</b>	<b>72.379.000</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ dụng cụ	11.046.657	12.055.273
Chi phí sửa chữa	898.092.057	1.208.038.935
Các khoản khác	892.952.358	528.490.380
<b>Cộng</b>	<b>1.802.091.072</b>	<b>1.748.584.588</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình (xem trang 42)**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	71.000.000	71.000.000
Số dư cuối năm	71.000.000	71.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	71.000.000	71.000.000
Số dư cuối năm	71.000.000	71.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

\* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.000.000 đồng

**11. Tài sản dở dang dài hạn**

	01/01/2024	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2024
- Xây dựng cơ bản dở dang	736.000.000	176.050.369	176.050.369	736.000.000
Chi phí đầu tư dự án di dời khu giết mổ (*)	736.000.000	-	-	736.000.000
Chi phí xây dựng phòng đội sân sau	-	43.197.549	43.197.549	-
Chi phí xây dựng phòng đội bốc xếp	-	132.852.820	132.852.820	-
- Mua sắm TSCĐ	-	2.448.055.825	1.359.956.015	1.088.099.810
<b>Cộng</b>	<b>736.000.000</b>	<b>2.448.055.825</b>	<b>1.359.956.015</b>	<b>1.824.099.810</b>

(\*) Hàng mục dự án di dời khu giết mổ đang được đầu tư xây dựng, đơn vị đã tiến hành xin cấp giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2024 đơn vị vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ cơ quan Nhà nước.

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>595.951.232</b>	<b>615.392.113</b>
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	595.951.232	615.392.113
<b>Cộng</b>	<b>595.951.232</b>	<b>615.392.113</b>
<b>b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho những khoản sau:</b>		
	31/12/2024	01/01/2024
Lỗi tính thuế tại Công ty mẹ	4.355.101.594	1.341.969.042
Lỗi tính thuế tại Công ty con	2.532.664.756	-
<b>Cộng</b>	<b>4.355.101.594</b>	<b>1.341.969.042</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (tiếp theo)**

Thời hạn sử dụng của các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ vào thu nhập các năm sau tại Công ty mẹ và Công ty con như sau:

Năm 2022	607.242.470
Năm 2023	734.726.572
Năm 2024	3.013.132.552
<b>Cộng</b>	<b>4.355.101.594</b>

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước	239.991.550	239.991.550	508.464.372	508.464.372
Điện lực Liên Chiểu	-	-	56.739.059	56.739.059
Công ty CP Đầu tư xây dựng Capital	29.977.250	29.977.250	29.977.250	29.977.250
Công ty TNHH TMDV&ĐT Hợp Nhất	189.324.300	189.324.300	337.599.900	337.599.900
Nhà cung cấp khác	20.690.000	20.690.000	84.148.163	84.148.163
<b>Cộng</b>	<b>239.991.550</b>	<b>239.991.550</b>	<b>508.464.372</b>	<b>508.464.372</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****a. Phải nộp**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng	102.233.125	1.344.007.855	1.158.725.345	287.515.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.096.333	-	16.133.889	36.962.444
Thuế thu nhập cá nhân	30.669.358	111.260.133	119.963.998	21.965.493
Thuế tài nguyên	752.000	2.928.000	3.680.000	-
Thuế nhà đất	-	17.693	-	17.693
Các loại thuế khác	1.814.464	16.132.664	17.947.128	-
<b>Cộng</b>	<b>188.565.280</b>	<b>1.474.346.345</b>	<b>1.316.450.360</b>	<b>346.461.265</b>

**b. Phải thu**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
Thuê thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	18.792.073	18.792.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	50.316.313	-	-	50.316.313
Thuế nhà đất	419.258.566	1.441.206.888	1.021.948.322	-
Thuế tài nguyên nộp thừa	-	-	7.512.000	7.512.000
<b>Cộng</b>	<b>469.574.879</b>	<b>1.441.206.888</b>	<b>1.048.252.395</b>	<b>76.620.386</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)**

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.**

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	<b>Mức thuế suất</b>
- Thuế suất Thuế giá trị gia tăng dịch vụ	<b>5%</b>
- Thuế suất Thuế giá trị gia tăng dịch vụ khác	<b>10%</b>
- Thuế suất Thuế giá trị gia tăng hàng hóa	<b>Không chịu thuế</b>

Trong 06 tháng đầu năm, Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8% từ 01/01/2024 và Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023.

Trong 06 tháng cuối năm, Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8% từ 01/07/2024 và Nghị quyết Kỳ họp thứ 7, Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<b>Vị trí đất</b>	<b>Mức tiền thuê</b>
Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	<b>26.084 VNĐ/m<sup>2</sup></b>

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Phải trả người lao động**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Tiền lương phải trả	1.893.355.538	623.243.247
<b>Cộng</b>	<b>1.893.355.538</b>	<b>623.243.247</b>

**16. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Kinh phí công đoàn	16.292.882	16.292.882
Các khoản phải trả, phải nộp khác	965.541.246	965.541.246
- Ông Phạm Tuấn Anh	872.440.000	872.440.000
- Phải trả khác	93.101.246	93.101.246
<b>Cộng</b>	<b>981.834.128</b>	<b>981.834.128</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>16. Phải trả khác (tiếp theo)</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	43.000.000	49.500.000
<b>Cộng</b>	<b>43.000.000</b>	<b>49.500.000</b>
<b>c. Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Ông Phạm Tuấn Anh	872.440.000	872.440.000
<b>Cộng</b>	<b>872.440.000</b>	<b>872.440.000</b>

<b>17. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>453.044.105</b>	<b>453.044.105</b>	<b>604.324.320</b>	<b>604.324.320</b>
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	453.044.105	453.044.105	604.324.320	604.324.320
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đà Nẵng	53.044.109	53.044.109	204.324.324	204.324.324
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	399.999.996	399.999.996	399.999.996	399.999.996
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.903.600.008</b>	<b>2.903.600.008</b>	<b>1.253.044.113</b>	<b>1.253.044.113</b>
Vay cá nhân là bên liên quan Ông Phạm Tuấn Anh	1.503.600.000	1.503.600.000	-	-
Vay cá nhân là bên thứ ba Bà Lương Thị Thùy Liên	600.000.000	600.000.000	-	-
Vay ngân hàng	800.000.008	800.000.008	1.253.044.113	1.253.044.113
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đà Nẵng	-	-	53.044.109	53.044.109
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	800.000.008	800.000.008	1.200.000.004	1.200.000.004
<b>Cộng</b>	<b>3.356.644.113</b>	<b>3.356.644.113</b>	<b>1.857.368.433</b>	<b>1.857.368.433</b>

**Thuyết minh về các khoản vay bên liên quan**

Khoản vay tiền ông Phạm Tuấn Anh phát sinh trong năm 2024 không có tài sản đảm bảo với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay 3 năm kể từ thời điểm nhận nợ.

Khoản vay tiền Bà Lương Thị Thùy Liên phát sinh trong năm 2024 không có tài sản đảm bảo với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay 3 năm kể từ thời điểm nhận nợ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****17.1. Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đà Nẵng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất từ 6 tháng đầu là 7,9%, lãi suất giai đoạn sau điều chỉnh 3 tháng/1 lần + 3,3% năm, thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp tài sản số 284/2022/HDTD/DNG Ngày 06/04/2022.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ cụ thể, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3027139481/2023/HĐBĐ/NHCT480 Ngày 26/12/2023 và hợp đồng thế chấp tài sản số 3027139481/01/2023/HĐBĐ/NHCT480 Ngày 26/12/2023.

**17.2. Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau**

	Dài hạn		Ngắn hạn	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.253.044.113</b>	<b>461.692.757</b>	<b>604.324.320</b>	-
Số tiền vay phát sinh	3.003.600.000	1.600.000.000	-	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn sang ngắn hạn	(453.044.105)	(604.324.320)	453.044.105	604.324.320
Số tiền vay đã trả	(900.000.000)	(204.324.324)	(604.324.320)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.903.600.008</b>	<b>1.253.044.113</b>	<b>453.044.105</b>	<b>604.324.320</b>

**17.3 Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng nợ
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	453.044.105	2.903.600.008	-	3.356.644.113
<b>Cộng</b>	<b>453.044.105</b>	<b>2.903.600.008</b>	-	<b>3.356.644.113</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	604.324.320	1.253.044.113	-	1.857.368.433
<b>Cộng</b>	<b>604.324.320</b>	<b>1.253.044.113</b>	-	<b>1.857.368.433</b>

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	31/12/2024	01/01/2024
<b>Số đầu năm</b>	16.993.221	16.993.221
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.993.221</b>	<b>16.993.221</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	30.000.000.000	6.826.797.055	11.258.402.232	48.085.199.287
Lợi nhuận	-	-	1.178.129.280	1.178.129.280
Số dư tại ngày 31/12/2023	30.000.000.000	6.826.797.055	12.436.531.512	49.263.328.567
Số dư tại ngày 01/01/2024	30.000.000.000	6.826.797.055	12.436.531.512	49.263.328.567
Lợi nhuận	-	-	(3.496.538.181)	(3.496.538.181)
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	30.000.000.000	11.826.797.055	3.939.993.331	45.766.790.386

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	VND/USD	Tỷ lệ %	VND	VND
Góp vốn bằng tiền	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tonkin Spices	47,00%	14.100.000.000	14.100.000.000
Cổ đông khác	53,00%	15.900.000.000	15.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn góp của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường

	Năm 2024	Năm 2023
	Chưa công bố	0%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

<b>đ. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

**e. Phân phối lợi nhuận****Trình bày thông tin về việc phân phối lợi nhuận trong năm:**

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 thống nhất không chi trả cổ tức năm 2023, dùng lợi nhuận để lại bổ sung vốn kinh doanh, cụ thể như sau:

	<b>VND</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	<u>5.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Quỹ đầu tư phát triển	<u>11.826.797.055</u>	<u>6.826.797.055</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>11.826.797.055</u></b>	<b><u>6.826.797.055</u></b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	11.759.395.200	5.068.706.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>18.697.531.601</u>	<u>18.230.261.160</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>30.456.926.801</u></b>	<b><u>23.298.967.660</u></b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
Doanh thu thuần bán hàng hóa	11.759.395.200	5.068.706.500
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	<u>18.697.531.601</u>	<u>18.230.261.160</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>30.456.926.801</u></b>	<b><u>23.298.967.660</u></b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.602.490.672	4.925.549.400
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>17.051.967.138</u>	<u>13.704.373.324</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>28.654.457.810</u></b>	<b><u>18.629.922.724</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2024	Năm 2023
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.066.157	80.884.723
<b>Cộng</b>	<b>10.066.157</b>	<b>80.884.723</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	134.108.046	53.074.225
<b>Cộng</b>	<b>134.108.046</b>	<b>53.074.225</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.945.500	27.566.000
<b>Cộng</b>	<b>13.945.500</b>	<b>27.566.000</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	2.826.529.922	1.884.892.830
Chi phí đồ dùng văn phòng	102.651.002	126.652.821
Chi phí khấu hao TSCĐ	678.971.977	187.642.993
Thuế, phí, lệ phí	15.903.215	15.541.716
Dự phòng phải thu khó đòi	904.000	13.048.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.708.425	302.769.614
Chi phí bằng tiền khác	722.870.588	578.052.330
<b>Cộng</b>	<b>4.922.539.129</b>	<b>3.108.600.912</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
Các khoản khác	2.950	46.006
<b>Cộng</b>	<b>2.950</b>	<b>46.006</b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt	425.457.278	133.235.439
Các khoản khác	699.828	120
<b>Cộng</b>	<b>426.157.106</b>	<b>133.235.559</b>
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	13.750.776.849	6.747.474.400
Chi phí nhân công	12.960.444.142	9.823.133.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.479.905.938	1.041.154.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.112.942.436	787.195.937
Chi phí khác bằng tiền	2.626.873.074	3.367.130.877
<b>Cộng</b>	<b>33.930.942.439</b>	<b>21.766.089.636</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2024	Năm 2023
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	229.928.808
+ Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm trước của Công ty mẹ	-	213.794.919
+ Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty con	-	16.133.889
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	229.928.808
<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	19.440.881	19.440.881
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>19.440.881</b>	<b>19.440.881</b>
<b>13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.496.538.181)	1.178.129.280
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.496.538.181)	1.178.129.280
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.166)</b>	<b>393</b>
<b>14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.496.538.181)	1.178.129.280
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(3.496.538.181)	1.178.129.280
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.166)</b>	<b>393</b>
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:</b>		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.000.000	3.000.000

**VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Năm 2024</b>		
VND	+ 100	153.725.565
VND	- 100	(153.725.565)
<b>Năm 2023</b>		
VND	+ 100	129.548.581
VND	- 100	(129.548.581)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

50  
TY  
ÁN  
VE  
JAN  
ĐA  
57  
ANH  
TNH  
AN V  
TIN H  
AIS  
CANG  
ĐA

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>				
Dưới 90 ngày	274.732.000	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	89.535.228
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>274.732.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>89.535.228</b>
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(89.535.228)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>274.732.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>				
Dưới 90 ngày	5.470.102.100	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	89.535.228
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>5.470.102.100</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>89.535.228</b>
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(89.535.228)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>5.470.102.100</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	453.044.105	2.903.600.008	-	<b>3.356.644.113</b>
Phải trả người bán	239.991.550	-	-	<b>239.991.550</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	872.440.000	43.000.000	-	<b>915.440.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.565.475.655</b>	<b>2.946.600.008</b>	<b>-</b>	<b>4.512.075.663</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	604.324.320	1.253.044.113	-	<b>1.857.368.433</b>
Phải trả người bán	508.464.372	-	-	<b>508.464.372</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	872.440.000	49.500.000	-	<b>921.940.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.985.228.692</b>	<b>1.302.544.113</b>	<b>-</b>	<b>3.287.772.805</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty đã sử dụng một phần tài sản là phương tiện vận tải làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.16 - Vay và nợ thuê tài chính).

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Xem bảng trình bày trang 43

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm 2024	Năm 2023
3.003.600.000	1.600.000.000

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm 2024	Năm 2023
1.504.324.320	204.324.324

**X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Theo quy định tại khoản 1, Điều 9, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ, Công ty TNHH MTV Chế biến thực phẩm Đà Nẵng được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước, trong đó có miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 5013/QĐ-CCTKV ngày 21 tháng 07 năm 2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Chi Cục Thuế Khu vực Thanh Khê Quận Liên Chiểu có nội dung không thống nhất việc ưu đãi thuế của Công ty trong năm 2018 do không đạt tiêu chí "có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật".

Do đó khả năng Công ty sẽ phát sinh một khoản nợ tiềm tàng về thuế thu nhập doanh nghiệp đã được miễn trong các năm tiếp theo.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**3a.1. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

**3a.2. Giao dịch khác**

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Tính chất giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Ông Phạm Tuấn Anh	Phải trả khác	-	460.000.000
	Nhận nợ vay	2.403.600.000	-
	Trả gốc vay	900.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>3.303.600.000</b>	<b>460.000.000</b>

**3a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.15

**3a.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Tính chất thu nhập	Năm 2024	Năm 2023
Ban Tổng Giám đốc	Lương	295.000.000	317.178.000
<b>Cộng</b>		<b>295.000.000</b>	<b>317.178.000</b>

**3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**Bên liên quan khác**

Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Đà Nẵng  
Công ty Cổ phần NN Công nghệ cao Kenai  
Công ty Cổ phần Tonkin Spices

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Công ty liên kết  
Cung thành viên chủ chốt

**3b.1. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3b.2. Công nợ các bên liên quan khác**

Công ty không có số dư công nợ với các bên liên quan khác.

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận:**

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

**4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh****a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2024**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận bán hàng hóa, bộ phận cung cấp dịch vụ giết mổ và cho thuê. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Doanh thu bán hàng hóa	11.759.395.200	11.602.490.672	156.904.528
Doanh thu giết mổ và cho thuê	18.697.531.601	17.051.967.138	1.645.564.463
<b>Cộng</b>	<b>30.456.926.801</b>	<b>28.654.457.810</b>	<b>1.802.468.991</b>

**b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2023**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận bán hàng hóa, bộ phận cung cấp dịch vụ giết mổ và cho thuê. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Doanh thu bán hàng hóa	5.068.706.500	4.925.549.400	143.157.100
Doanh thu giết mổ và cho thuê	18.230.261.160	13.704.373.324	4.525.887.836
<b>Cộng</b>	<b>23.298.967.660</b>	<b>18.629.922.724</b>	<b>4.669.044.936</b>

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.**6. Những thông tin khác**

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã gửi thông báo đến Sở Kế hoạch đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam. Thời gian tạm ngừng từ 16/05/2022 đến 15/05/2023. Ngày 16/05/2022, Sở kế hoạch Đầu tư đã cấp giấy xác nhận Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tạm ngừng hoạt động từ 16/05/2022 đến 15/05/2023. Ngày 29/12/2023, Sở kế hoạch Đầu tư đã tiếp tục cấp giấy xác nhận Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 theo Giấy xác nhận số 71259/23. Hiện tại, Trung tâm Chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tiếp tục tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025 theo Giấy xác nhận số 68828/24 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng.

NGƯỜI LẬP BIỂU/ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Thị Thanh Thúy

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## V.2. Các khoản đầu tư tài chính

## a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	17.800.000.000	17.800.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Đà Nẵng	17.800.000.000	17.800.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.800.000.000</b>	<b>17.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Đà Nẵng là 17.800.000.000 đồng với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 4,8%/năm.

## b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu/ giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu/ giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	19.864.637.544	-	19.657.523.161	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Kenai	19.864.637.544	-	19.657.523.161	-
<b>Cộng</b>	<b>19.864.637.544</b>	<b>-</b>	<b>19.657.523.161</b>	<b>-</b>

## - Tình hình hoạt động của các đơn vị khác trong năm:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400378527 ngày 02 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Kenai là 26.400.000.000 VND, tương đương 48% vốn điều lệ.

## - Cơ sở trình bày giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 chưa thể xác định để trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính theo qui định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC vì Công ty liên kết chưa thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán để có giá tham chiếu tin cậy. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã ghi nhận giá trị hợp lý theo giá gốc của khoản đầu tư và có điều chỉnh dự phòng tổn thất và trình bày thuyết minh về tình hình hoạt động của công ty trên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	6.742.476.839	6.742.476.839
Hoàn nhập dự phòng	(207.114.383)	
Số cuối năm	<b>6.535.362.456</b>	<b>6.742.476.839</b>

**Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên doanh, liên kết như sau:

Trong năm 2024 không phát sinh giao dịch với Công ty liên doanh liên kết. Năm 2023, Công ty đã thu hồi công nợ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Kenai là công ty liên doanh liên kết với số tiền là 9.960.434.623 VND.

**Trình bày thông tin về các điểm đặc biệt cần lưu ý khác:**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Kenai đã tạm dừng hoạt động từ ngày 09 tháng 10 năm 2022 đến ngày 08 tháng 10 năm 2023 theo giấy xác nhận 4871/22 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông. Từ tháng 1 năm 2024, Công ty đã hoạt động trở lại.

## LỜI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 5.6. Nợ xấu - Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2024		01/01/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.410.865.000</b>	<b>2.260.000</b>	-	<b>1.410.865.000</b>	<b>3.164.000</b>	-
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>89.535.228</b>	-	-	<b>89.535.228</b>	-	-
Công ty CP Phần CBTP Kiên Giang	50.000.000	-	Trên 3 năm	50.000.000	-	Trên 3 năm
Hoàng Minh Lãm (xntk) ĐNăng	11.862.000	-	Trên 3 năm	11.862.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Hiền Thư - Hải Phòng	10.639.922	-	Trên 3 năm	10.639.922	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	17.033.306	-	Trên 3 năm	17.033.306	-	Trên 3 năm
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>347.420.000</b>	-	-	<b>347.420.000</b>	-	-
Công ty CP Chứng khoán Tràng An - Hà Nội	60.000.000	-	Trên 3 năm	60.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Gold Dragon	260.100.000	-	Trên 3 năm	260.100.000	-	Trên 3 năm
Các nhà cung cấp khác	27.320.000	-	Trên 3 năm	27.320.000	-	Trên 3 năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>622.476.843</b>	<b>2.260.000</b>	-	<b>622.476.843</b>	<b>3.164.000</b>	-
Công Trình XD CB tại Đà Sơn	365.777.694	-	Trên 3 năm	365.777.694	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây Dựng Số 09 ĐN	100.000.000	-	Trên 3 năm	100.000.000	-	Trên 3 năm
Công Trình xây dựng cơ bản Thọ Quang	140.021.805	-	Trên 3 năm	140.021.805	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	12.157.344	-	Trên 3 năm	12.157.344	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	4.520.000	2.260.000	Từ 6 tháng - 1 năm	4.520.000	3.164.000	Từ 6 tháng - 1 năm
<b>Tạm ứng</b>	<b>351.432.929</b>	-	-	<b>351.432.929</b>	-	-
Dương Tấn Tuấn	83.888.040	-	Trên 3 năm	83.888.040	-	Trên 3 năm
Nguyễn Văn Thịnh	54.849.318	-	Trên 3 năm	54.849.318	-	Trên 3 năm
Nguyễn Ưu	34.246.098	-	Trên 3 năm	34.246.098	-	Trên 3 năm
Nguyễn Thị Thanh Hương	76.417.389	-	Trên 3 năm	76.417.389	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	102.032.084	-	Trên 3 năm	102.032.084	-	Trên 3 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.



## ẤN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 6. Nợ xấu - Dự phòng phải thu khó đòi (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dài hạn	9.104.879.000	-	9.104.879.000	-
Bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Điềm	9.104.879.000	-	9.104.879.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.515.744.000</b>	<b>2.260.000</b>	<b>10.515.744.000</b>	<b>3.164.000</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	1.407.701.000	9.104.879.000	10.512.580.000
Trích lập dự phòng bổ sung	904.000	-	904.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.408.605.000</b>	<b>9.104.879.000</b>	<b>10.513.484.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.859.838.295	5.436.297.846	4.010.345.025	123.921.818	17.430.402.984
<i>Mua trong năm</i>	-	-	120.000.000	-	120.000.000
<i>ĐT XDCB h.thành</i>	176.050.369	443.511.215	-	-	619.561.584
Số dư cuối năm	8.035.888.664	5.879.809.061	4.130.345.025	123.921.818	18.169.964.568
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6.256.465.025	2.369.003.910	779.550.325	45.297.032	9.450.316.292
<i>Khấu hao trong năm</i>	527.427.097	507.850.365	500.531.548	41.301.332	1.577.110.342
Số dư cuối năm	6.767.181.763	2.796.360.230	1.280.081.873	86.598.364	10.930.222.230
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	1.603.373.270	3.067.293.936	3.230.794.700	78.624.786	7.980.086.692
Số dư cuối năm	1.268.706.901	3.083.448.831	2.850.263.152	37.323.454	7.239.742.338

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.241.179.188 VNĐ

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.086.340.240 VNĐ

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

\* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Phải thu khách hàng	364.267.228	(89.535.228)	5.559.637.328	(90.891.228)
- Phải thu khác	9.104.879.000	(9.104.879.000)	9.104.879.000	(9.104.879.000)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	929.200.612	-	14.812.226.563	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.198.346.840</b>	<b>(9.194.414.228)</b>	<b>29.476.742.891</b>	<b>(9.195.770.228)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Vay và nợ	3.356.644.113	-	1.857.368.433	-
- Phải trả người bán	239.991.550	-	508.464.372	-
- Phải trả khác	915.440.000	-	921.940.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.512.075.663</b>	<b>-</b>	<b>3.287.772.805</b>	<b>-</b>
			<b>19.003.932.612</b>	<b>20.280.972.663</b>
			<b>274.732.000</b>	<b>5.468.746.100</b>
			<b>-</b>	<b>-</b>
			<b>929.200.612</b>	<b>14.812.226.563</b>
			<b>3.356.644.113</b>	<b>1.857.368.433</b>
			<b>239.991.550</b>	<b>508.464.372</b>
			<b>915.440.000</b>	<b>921.940.000</b>
			<b>4.512.075.663</b>	<b>3.287.772.805</b>